Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3208.10.19

Mã HS	3208.10.19
Mô tả hàng hóa	Sơn và vecni (kể cả men tráng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường không chứa nước; các dung dịch như đã ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Từ polyeste: / - - Vecni (kể cả dầu bóng): / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 10:40:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32081019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4853
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4853
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4853
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, LA, MY, TH)	0% (trừ KH, LA, MY, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM, TH)	0% (trừ MM, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4742
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4703
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4703
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4703
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4703
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4703
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4703
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4741
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4741
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4741

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4741
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4741
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4741
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4745
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4745
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4745
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4745
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4745
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4745
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4745
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4709
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F4705
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G4705
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H4705
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I4705
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J4705
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K4705
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4705
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4705
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4705
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4705
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4705
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4705
VCFTA	2022	2022	2	VC!D4752
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4752
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4752

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4752
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4752
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4752
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4749
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4749
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4749
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4749
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4749
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4749
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4757
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4757
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4757
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4757
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4757
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4757
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4728
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E4728
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F4728
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4728
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4728
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4728
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4730
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E4730
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F4730
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4730
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4730

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4730
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4728
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4728
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4728
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4728
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4728
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4728
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4728
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D4749
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E4749
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F4749
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G4749
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H4749
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I4749
RCEP B	2022	2022	9	B!D4749
RCEP B	2023	2023	8	B!E4749
RCEP B	2024	2024	7	B!F4749
RCEP B	2025	2025	6	B!G4749
RCEP B	2026	2026	5	B!H4749
RCEP B	2027	2027	4	B!I4749
RCEP C	2022	2022	9	C!D4749
RCEP C	2023	2023	8	C!E4749
RCEP C	2024	2024	7	C!F4749
RCEP C	2025	2025	6	C!G4749
RCEP C	2026	2026	5	C!H4749
RCEP C	2027	2027	4	C!I4749

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D4749
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E4749
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F4749
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G4749
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H4749
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I4749
RCEP E	2022	2022	9	E!D4752
RCEP E	2023	2023	8	E!E4752
RCEP E	2024	2024	7	E!F4752
RCEP E	2025	2025	6	E!G4752
RCEP E	2026	2026	5	E!H4752
RCEP E	2027	2027	4	E!I4752
RCEP F	2022	2022	9	F!D4749
RCEP F	2023	2023	8	F!E4749
RCEP F	2024	2024	7	F!F4749
RCEP F	2025	2025	6	F!G4749
RCEP F	2026	2026	5	F!H4749
RCEP F	2027	2027	4	F!I4749
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F4378
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G4378
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H4378
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I4378

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3208.10 có 4 dòng thuế; dòng 3208.10.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3208.10.11 Dùng trong nha khoa (SEN); 3208.10.20 Sơn chống hà và/hoặc chống ăn mòn dùng để sơn vỏ tàu thủy (SEN); 3208.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3208.10.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3208.10.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4853), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.